

# SCIENCE AND TECHNOLOGY IN THE NATIONAL TARGET PROGRAM FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS IN THE PERIOD OF 2021-2030

Nguyen Dinh Hau<sup>a</sup>; Ngo Xuan Binh<sup>b</sup>  
Le Viet Lam<sup>c</sup>; Luu Quang Minh<sup>d</sup>

Ministry of Science and Technology

Email: <sup>a</sup>ndhau@most.gov.vn; <sup>b</sup>nxbinh@most.gov.vn; <sup>c</sup>lvlam@most.gov.vn; <sup>d</sup>lqminh@most.gov.vn

Received: 01/6/2021

Reviewed: 09/6/2021

Revised: 11/6/2021

Accepted: 18/6/2021

Released: 30/6/2021

DOI: <https://doi.org/10.25073/0866-773X/549>

In recent years, the Party, State, Government and National Assembly have issued many priority guidelines and policies for programs and tasks to create advantages in science and technology for socio-economic development throughout the country, including sustainable development in ethnic minority and mountainous areas. The article analyzes the achievements of science and technology in the period 2011-2020 and focuses on discussing plans and solutions to deploy science and technology tasks in order to effectively implement the national target program for socio-economic development in ethnic minority and mountainous areas in the period of 2021-2030.

**Keywords:** *Science and technology; National Target Program; Social - economic development; Ethnic minority and mountainous areas.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong 10 năm qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều luật, cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ (KH&CN) và các vấn đề liên quan. Trên thực tế, KH&CN ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước. Để hiện thực hóa yêu cầu cao về vai trò của KH&CN trong giai đoạn mới, dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII khẳng định phải đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng của KH&CN và đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Điểm mới về nhận thức trong dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về vai trò của KH&CN là không chỉ nhấn mạnh phát triển và ứng dụng KH&CN, mà còn đề cao yêu cầu đổi mới sáng tạo như một định hướng trung tâm của phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tăng tốc. Hiện nay, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ta đang đứng trước bối cảnh mới. Việt Nam cũng đang đứng trước cơ hội và thách thức này. Định hướng chiến lược là phải đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng trưởng kinh tế sẽ phải dựa chủ yếu vào năng suất các nhân tố tổng hợp, KH&CN và nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động lớn đến mọi mặt, tất cả lĩnh vực của nước ta. Vì vậy, cần có chiến lược và chính sách phù hợp để khai thác, tận dụng thành công những cơ hội và ứng phó hiệu quả với các khó khăn, thách thức.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu liên quan đến KH&CN nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) đã có nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, trong đó có các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Công trình “Chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số”, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, năm 2010. Nội dung của cuốn sách đề cập đến một số vấn đề chuyển giao KH&CN vùng dân tộc thiểu số và nêu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển giao KH&CN vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động chuyển giao KH&CN vùng DTTS&MN. Bài viết “Khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển vùng dân tộc thiểu số” (Hà, 2020) đã đánh giá hiệu quả của KH&CN đối với phát triển vùng DTTS&MN, trong đó có thể

thấy kết quả nổi bật như: Các nhiệm vụ KH&CN đã trực tiếp làm thay đổi diện mạo đời sống, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN với hơn 4.300 mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN được hình thành, phát huy hiệu quả, quy mô phù hợp với điều kiện sinh thái của các địa phương. Công trình “Khoa học công nghệ góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số” (Anh, 2020) cũng đã đánh giá hiệu quả mà các nhiệm vụ KH&CN mang lại. Kết quả nghiên cứu khẳng định: Qua các hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH&CN vào đời sống và sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, ổn định và nâng cao hơn trước; nếp sống văn hóa được duy trì, nhiều phong tục tập quán tốt đẹp được giữ vững. Nghiên cứu “Vai trò khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” (Ngọc, 2020) đã đánh giá kết quả đạt được trong việc thực thi chính sách, pháp luật về KH&CN thúc đẩy phát triển KT-XH, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo đối với vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2011-2020; phân tích tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, điểm nghẽn trong cơ chế, chính sách lĩnh vực KH&CN đối với công cuộc phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN; Đề xuất giải pháp mạnh mẽ về KH&CN để tạo đột phá trong những lĩnh vực mà khu vực DTTS&MN có lợi thế... Bài viết “Bài học từ việc ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản xuất vùng dân tộc thiểu số” (Nguyễn, 2018) đã phân tích những kết quả đạt được của KH&CN đối với phát triển KT-XH vùng DTTS, tác giả cho rằng: Nhờ ứng dụng KH&CN vào sản xuất, nhiều cá nhân, doanh nghiệp vùng DTTS&MN đã khởi nghiệp thành công. Tuy nhiên, xét trên bình diện chung, việc ứng dụng KH&CN vào phát triển sản xuất ở vùng đồng bào DTTS&MN vẫn đang gặp nhiều rào cản. Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng cần có chính sách đặc thù về chuyển giao công nghệ vùng DTTS.

Ngoài ra, cũng có một số tác giả tiếp cận theo hướng đổi mới nhiệm vụ KH&CN vùng DTTS&MN, tiêu biểu như: Khánh Vy (2020), “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”; Lê Sơn (2021), “Chuẩn bị kỹ chính sách, nguồn lực cho mục tiêu lớn”; Hồ Hương & Trang Quy (2020), “Quốc hội thảo luận về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”; My Lan Sơn, Đức Tuấn, Trần Tuấn (2021), “Khoa học và công nghệ để thúc đẩy phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi phía Bắc”; Trần Quốc Toàn (2020), “Đẩy mạnh

phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo - một đột phá chiến lược trong giai đoạn mới”...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu cũng đã đề cập đến việc phát triển KH&CN vùng DTTS&MN, tuy nhiên vẫn chưa đề cập, phân tích, đánh giá kế hoạch nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới để thực hiện, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, đồng thời bàn luận những giải pháp mang tính đột phá, cơ bản nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, giai đoạn 2021-2030.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp chuyên gia, phương pháp tổng hợp, phân tích nhằm góp phần làm rõ hơn nhiệm vụ, kế hoạch của KH&CN để triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

### 4. Kết quả nghiên cứu

Trên tinh thần quán triệt chỉ đạo tại các văn bản của Đảng về phát triển KH&CN và tăng cường hoàn thiện hệ thống pháp luật về phát triển KH&CN, trong giai đoạn 2011-2020, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các bộ, cơ quan xây dựng và trình Quốc hội ban hành 3 luật: Luật Đo lường (năm 2011), Luật Khoa học và Công nghệ (năm 2013); Luật Chuyển giao công nghệ (năm 2017) để điều chỉnh các lĩnh vực KH&CN với nhiều nội dung đổi mới, đột phá đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN phục vụ phát triển KT-XH, trong đó có vùng DTTS&MN. Như vậy, cho đến nay, hệ thống pháp luật về KH&CN đã cơ bản hoàn thiện với 8 luật, 63 Nghị định và 45 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 308 Thông tư của các Bộ, ngành liên quan đến phát triển KH&CN, thu hút và đào tạo nhân lực, quản lý KH&CN, triển khai các chương trình KH&CN.

#### 4.1. Tình hình triển khai chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 18 chương trình, đề án cấp quốc gia về KH&CN giao Bộ KH&CN quản lý; 18 Chương trình/Đề án/Nhiệm vụ KH&CN quan trọng khác giao cho các bộ, ngành quản lý. Bộ KH&CN đã phê duyệt 09 Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia.

Trong 45 chương trình nêu trên, có 06 chương trình liên quan trực tiếp đến vùng DTTS&MN với tổng số 775 nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: (i) Chương

trình dân tộc (CTDT/16-20) dành 100% nhiệm vụ với 51 đề tài để nghiên cứu các vấn đề liên quan trực tiếp đến vùng DTTS&MN; (ii) 05 Chương trình KH&CN cấp quốc gia còn lại (Nông thôn miền núi, Nông thôn mới, Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ) đã tổ chức thực hiện 724 nhiệm vụ nghiên cứu về khoa học xã hội, KH&CN trực tiếp phục vụ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN. Ngoài 06 chương trình nêu trên, trong một số Chương trình KH&CN cấp quốc gia khác, đã có 315 nhiệm vụ được triển khai để trực tiếp giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN.

Đồng thời, thực hiện các cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động KH&CN, có nhiều nhiệm vụ ở cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở có đối tượng nghiên cứu là DTTS và vùng DTTS&MN được triển khai. Các nhiệm vụ này đã cung cấp cơ sở khoa học, luận cứ khoa học phục vụ xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, các giải pháp KH&CN góp phần tác động tích cực đến sự phát triển KT-XH vùng DTTS&MN trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, công nghiệp, giao thông, xây dựng, y tế, giáo dục, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp không chỉ đóng góp vào phát triển KT-XH của đất nước mà đã trực tiếp đóng góp có hiệu quả và làm thay đổi diện mạo đời sống, KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN. Kết quả KH&CN đã hỗ trợ tích cực công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả. Đặc biệt, việc hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo chuỗi sản phẩm, hình thành các mối liên kết trong chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng nông sản, xây dựng các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của địa phương, xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các đặc sản của địa phương, giúp nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm.

Các chương trình, nhiệm vụ đã được triển khai đúng hướng và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp thiết thực và hiệu quả vào sự phát triển của khu vực DTTS&MN. Cơ cấu sản xuất tiếp tục được điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế của mỗi địa phương, vùng, miền và cả nước, gắn với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế.

#### 4.1.1. 04 Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm

(i) Chương trình công tác dân tộc: Các kết quả nghiên cứu thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 “Những vấn đề cơ bản và

cấp bách về DTTS và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20 và một số nhiệm vụ thuộc Chương trình KX04 và các chương trình KH&CN khác đã kịp thời cung cấp luận cứ khoa học phục vụ cho xây dựng chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, miền núi, đồng thời tập trung đưa ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan đến đời sống của đồng bào các DTTS như: vấn đề đói nghèo, mức sống chênh lệch ngày càng lớn giữa vùng đồng bào dân tộc, miền núi so với đồng bằng, thành thị; vấn đề hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan đang có xu hướng phục hồi lan rộng trong cộng đồng; vấn đề xã hội liên quan đến tranh chấp đất đai, xây dựng cơ sở thờ tự; vấn đề kích động, xúi giục tén đồ tập trung, khiêu khích tập thể, gây rối làm mất trật tự, an toàn xã hội...

(ii) Đối với Chương trình vùng Tây Bắc: KH&CN đã đóng góp cho việc xây dựng và hoàn thiện báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ 14 tỉnh vùng Tây Bắc nhiệm kỳ 2015-2020; góp phần quan trọng trong việc thực hiện một số nội dung của Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về “Phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020”. Cung cấp cơ sở dữ liệu liên ngành, luận cứ khoa học phục vụ xây dựng, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Các mô hình về sinh kế cho người dân, mô hình nuôi trồng, chế biến dược liệu, cây nông nghiệp, cây công nghiệp, thủy sản, thức ăn chăn nuôi... đã được chuyển giao cho các địa phương trong vùng để ứng dụng trong thực tiễn.

(iii) Đối với Chương trình vùng Tây Nguyên: Kết quả KH&CN đã giúp xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững Tây Nguyên. Các vấn đề liên quan đến an ninh phi truyền thống ở Tây Nguyên cũng được nghiên cứu sâu nhằm cung cấp luận cứ, dữ liệu về văn hóa và biến đổi văn hóa, tôn giáo, dân tộc, dân cư. Chương trình Tây Nguyên 3 đã cung cấp nguồn cơ sở dữ liệu đa dạng, đồng bộ phục vụ quy hoạch phát triển KT-XH khu vực Tây Nguyên và các tỉnh Tây Nguyên. Kết quả ứng dụng chuyển giao công nghệ thích hợp nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế cho Tây Nguyên đã thành công vượt chỉ tiêu của khung Chương trình. Các nhiệm vụ nghiên cứu tiếp cận quản trị tài nguyên đất nông nghiệp, quản trị tài nguyên nước mặt, nước dưới đất; giải pháp trữ nước giúp giải quyết tình trạng hạn hán do biến đổi khí hậu, hướng tới các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước và an ninh môi trường.

(iv) Chương trình vùng Tây Nam Bộ: Kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng để xây dựng mô hình

liên kết vùng Tây Nam Bộ trên cơ sở quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp gắn liền với sinh kế hộ nông thôn tại vùng Đồng Tháp Mười; xây dựng các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ. Nghiên cứu tổng thể hiệu ứng các công trình phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Xây dựng một số mô hình liên kết sản xuất, hình thành các chuỗi giá trị hướng vào khai thác các lợi thế của vùng Tây Nam Bộ. Ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn như: sản xuất lúa gạo, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cung cấp giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, phục vụ chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp.

#### 4.1.2. Chương trình Nông thôn miền núi

Các dự án thuộc Chương trình đã giúp các địa phương tiếp nhận, làm chủ và phát triển các công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng lúa gạo, sản xuất rau, quả theo tiêu chuẩn VietGAP; phát triển các cây trồng đặc sản của địa phương như: chè, cà phê, tiêu, bưởi, chuối...; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô công nghiệp; sản xuất giống và nuôi trồng thủy hải sản; bảo quản, chế biến nông, lâm, hải sản; phát triển nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu theo quy mô công nghiệp; ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và sử dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông sản an toàn; giải quyết nước sạch quy mô hộ gia đình và cụm dân cư; xử lý môi trường nông thôn và môi trường làng nghề; phát triển công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện và nước nóng; cung cấp thông tin KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn nói chung và đồng bào DTTS&MN nói riêng; chuyển giao 2.300 lượt công nghệ mới, tiên tiến phù hợp với từng vùng miền, thúc đẩy phát triển KT-XH khu vực miền núi, vùng DTTS; xây dựng được hơn 4.300 mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN có hiệu quả, quy mô phù hợp với điều kiện sinh thái cho 34 tỉnh/thành phố nằm trong vùng DTTS&MN. Ngoài ra, chương trình đã giúp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai dự án, năng lực ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho trên 1.500 cán bộ quản lý KH&CN các cấp, 4.153 cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên cơ sở ở địa phương và khoảng 92.000 lượt nông dân tại các địa phương vùng DTTS&MN.

#### 4.1.3. Chương trình Nông thôn mới

Kết quả KH&CN thuộc Chương trình đã đem

lại nhiều giải pháp, mô hình có hiệu quả trong quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, công nghệ bảo quản, chế biến..., góp phần nâng cao chất lượng, giá trị cây trồng, vật nuôi, xây dựng các mô hình HTX phù hợp trong điều kiện cụ thể của các địa phương. Đặc biệt, hoạt động KH&CN đã hỗ trợ, thúc đẩy Chương trình OCOF với nhiều sản phẩm vùng DTTS&MN chất lượng, có thương hiệu thành hàng hóa phổ biến.

#### *4.1.4. Các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia khác*

Để kịp thời huy động lực lượng KH&CN tham gia trực tiếp vào giải quyết các vấn đề KT-XH vùng DTTS&MN, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu và triển khai một số nhiệm vụ thuộc các Chương trình KH&CN cấp quốc gia khác. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng thành công vào thực tiễn sản xuất, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội các địa phương vùng DTTS&MN.

Đối với khu vực Tây Nguyên: các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia về cà phê Việt Nam chất lượng cao đã góp phần làm tăng doanh thu của vùng dự án lên 700 tỷ đồng/năm. Nếu áp dụng trên diện tích cà phê của Tây Nguyên là 600.000ha, quy trình thâm canh này sẽ mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn, góp phần xóa đói giảm nghèo phát triển KT-XH vùng Tây Nguyên. Đối với sản phẩm quốc gia Sâm Ngọc Linh, Bộ KH&CN đã phê duyệt danh mục 14 dự án sản xuất và 04 đề tài nghiên cứu, hiện nay đang tiếp tục thực hiện các thủ tục theo trình tự để đưa các nhiệm vụ vào triển khai thực hiện trên địa bàn các tỉnh Kon Tum và Quảng Nam. Kết quả đề tài độc lập “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng” đang tiếp tục được triển khai, nhưng về cơ bản đề tài đã hoàn thành các nội dung, bám sát vào mục tiêu xác định các yếu tố thúc đẩy cũng như yếu tố cản trở phát triển nông nghiệp và đề xuất được các giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

#### **4.2. Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ trong chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030**

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020, trong đó đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và địa phương liên quan triển khai các nhiệm vụ cụ thể và chủ động tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các nhiệm vụ để triển khai thực hiện Đề án. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, tình hình thực hiện

nhiệm vụ được giao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng kế hoạch và dự kiến triển khai như sau:

##### *4.2.1. Hệ thống chính sách văn bản pháp luật*

Bộ KH&CN đã tiến hành rà soát hệ thống văn bản chính sách pháp luật để hoàn thiện, bổ sung hệ thống văn bản chính sách pháp luật phù hợp với giai đoạn phát triển mới (2021-2030) trong đó cân nhắc đến các chính sách có tính đặc thù cho vùng đồng bào DTTS&MN bao gồm:

*Thứ nhất*, tập trung hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều KH&CN năm 2013, Luật Sở hữu trí tuệ để trình Quốc hội xem xét, phê duyệt làm căn cứ trụ cột để tạo các thay đổi trong chính sách KH&CN nói chung và cho vùng DTTS&MN nói riêng.

*Thứ hai*, hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030; phê duyệt phương hướng, nhiệm vụ KH&CN 5 năm giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình KH&CN quốc gia trọng điểm.

*Thứ ba*, thực hiện tái cơ cấu và tổ chức triển khai các Chương trình KH&CN quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển KT-XH theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các nhiệm vụ KH&CN theo hướng thông thoáng, tạo thuận lợi cho các nhà khoa học và doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ.

*Thứ tư*, thực hiện đồng bộ các giải pháp tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN để thúc đẩy mạnh việc đổi mới, tiếp thu và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển, viện nghiên cứu, doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tăng cường hợp tác công tư trong triển khai các dự án công nghệ quy mô lớn và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Triển khai các giải pháp thu hút đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp 4.0 có khả năng lan tỏa, nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp trong nước.

*Thứ năm*, thúc đẩy phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia và sự gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực nông nghiệp, công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo.

*Thứ sáu*, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực; tăng

cường đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nguồn nhân lực được đào tạo tại chỗ. Triển khai chính sách phù hợp thu hút, sử dụng nhân lực KH&CN chất lượng cao cho vùng DTTS&MN.

*Thứ bảy*, tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư); Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X (năm 2008) về xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư); Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

#### 4.2.2. Thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi

*Một là*, tiếp tục hỗ trợ và đẩy mạnh triển khai các Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi giai đoạn 2016-2025 tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/10/2015, trong đó ưu tiên triển khai tại các vùng có tỷ lệ đói nghèo cao và tỷ lệ đồng bào DTTS cao, để tiếp tục hỗ trợ các tỉnh miền núi khó khăn phát triển KT-XH.

*Hai là*, phối hợp với Ủy ban Dân tộc xây dựng và triển khai thực hiện “Chương trình KH&CN phục vụ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030” theo tinh thần Nghị quyết 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019. Nội dung của Chương trình trọng tâm phục vụ triển khai các nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

*Ba là*, rà soát, đánh giá các Chương trình KH&CN quốc gia đã hết thời gian thực hiện để đề xuất tiếp tục triển khai đối với các Chương trình có hiệu quả (Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, phát triển công nghệ cao, Đổi mới công nghệ quốc gia, Năng suất chất lượng, Tài sản trí tuệ).

*Bốn là*, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ KH&CN mang tính toàn diện, thống nhất, có tính đột phá trong việc ứng dụng, chuyển giao KH&CN, có tính liên vùng, liên kết theo chuỗi từ nghiên cứu đến sản xuất, liên kết Khoa học - Quản lý - Doanh nghiệp - Nhà sản xuất - Nông dân để phát huy các lợi thế của từng địa phương nhằm thúc đẩy nhanh phát triển

KT-XH vùng DTTS&MN, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về phạm vi và đối tượng nêu tại Nghị quyết số 88/2019/QH14.

*Năm là*, phối hợp với các Bộ, ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ lồng ghép giữa các Chương trình KH&CN nhằm đảm bảo hiệu quả tác động đồng bộ từ các nguồn lực đối với việc phát triển KT-XH của các địa phương có đồng bào DTTS.

### 5. Thảo luận

Để thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương cũng như Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra. Chính phủ xác định cần tiếp tục tham mưu cho Quốc hội hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật về KH&CN nhằm đóng góp hiệu quả hơn vào sự phát triển của ngành, lĩnh vực, các vùng kinh tế, đồng thời đặc biệt giúp cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào vùng DTTS&MN. Trong đó, tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030. Có thể nói, đây là sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội và cả hệ thống chính trị đối với vùng đồng bào DTTS&MN, do đó, để Nghị quyết sớm đi vào cuộc sống, Ủy ban Dân tộc cùng các Bộ, ban ngành cần có chương trình hành động cụ thể nhằm tham mưu cho Chính phủ nhiệm kỳ mới thực hiện hiệu quả những quyết sách đề ra,... Tuy nhiên, để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 hiệu quả, cần phải giải quyết một số tồn tại, hạn chế sau:

*Thứ nhất*, công tác huy động và sử dụng nguồn lực chưa thực sự tạo được cơ chế khuyến khích những địa phương đạt kết quả tốt; phân bổ nguồn lực chỉ dựa vào định mức, chưa dựa trên kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả sử dụng nguồn lực hàng năm.

*Thứ hai*, về chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: Kết quả giảm nghèo một số nơi chưa thật bền vững, chưa đồng đều; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KT-XH khó khăn và vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn còn cao; khoảng cách giàu nghèo có xu hướng gia tăng; xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương còn tập trung nhiều vào các tiêu chí phát triển hạ tầng, chưa thực sự quan tâm đến tái cơ cấu ngành nông

ng nghiệp, đổi mới tổ chức sản xuất tạo điều kiện ổn định thu nhập, sinh kế cho người dân theo hướng phát triển bền vững. Kết quả xây dựng nông thôn mới không đồng đều. Việc đào tạo nghề nông thôn còn bất cập, chất lượng và tính thực tiễn không cao,

Ngoài ra, cơ chế quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện một số Chương trình mục tiêu quốc gia còn chưa hợp lý. Đặc biệt là tình trạng cấp ủy, chính quyền cơ sở, một số cán bộ và người dân nông thôn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của Chương trình; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ý lại cấp trên trong bố trí nguồn lực cho Chương trình. Năng lực của cán bộ làm công tác quản lý, điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia ở cấp huyện, cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; Việc chấp hành chế độ báo cáo trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, chưa kịp thời, đầy đủ theo quy định.

## 6. Kết luận

Đảng và Nhà nước đã và luôn xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong

các khâu đột phá chiến lược để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Trong đó, có nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để phát triển KH&CN đã được đưa vào các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII cũng như Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Trong bối cảnh đó, Chính phủ xác định cần tiếp tục tập trung tham mưu cho Quốc hội hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về KH&CN, để KH&CN tiếp tục đóng góp hiệu quả hơn vào sự phát triển của các ngành, lĩnh vực, các vùng kinh tế, đặc biệt là giúp nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào vùng DTTS&MN. Trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

## Tài liệu tham khảo

- Anh, D. (2020, ngày 5 tháng 10). Khoa học công nghệ góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số. <http://dangcongsan.vn>.
- Ha, M. (2020, ngày 9 tháng 10). Khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển vùng dân tộc thiểu số. <http://congngheवादoisong.vn>.
- Huong, H., & Quy, T. (2020, ngày 12 tháng 6). Quốc hội thảo luận về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. *Cong Thong tin dien tu Quoc hoi*.
- Ngoc, H. (2020, ngày 30 tháng 9). Vai trò khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. <https://www.daibieunhandan.vn>.
- Nguyen, B. (2018, ngày 23 tháng 1). Bài học từ việc ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản xuất vùng dân tộc thiểu số. *Bienphong.com.vn*.
- Quốc hội. (2019). *Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*. Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019.
- Quốc hội. (2020). *Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*. Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19/6/2020.
- Son, L. (2021, ngày 22 tháng 3). Chuan bi ky chinh sach, nguon luc cho muc tieu lon. *Bao Dien tu Chinh phu*.
- Son, M. L., Tuan, D., & Tuan, T. (2021, ngày 2 tháng 4). Khoa học và công nghệ đề thúc đẩy phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi phía Bắc. *Bao Nhan dan dien tu*.
- Toan, T. Q. (2020, ngày 3 tháng 11). Day manh phat trien khoa hoc cong nghe va doi moi sang tao – mot dot pha chien luoc trong giai doan moi. *Tap chi Cong san dien tu*.
- Ủy ban Dân tộc. (2020, ngày 19 tháng 6). Quốc hội thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. *Cong thong tin dien tu Uy ban Dan toc*.
- Vy, K. (2020, ngày 28 tháng 05). Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. *Cong thong tin dien tu Kiem toan nha nuoc*.

# KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030

Nguyễn Đình Hậu<sup>a</sup>; Ngô Xuân Bình<sup>b</sup>  
Lê Viết Lâm<sup>c</sup>; Lưu Quang Minh<sup>d</sup>

Bộ Khoa học và Công nghệ

<sup>a</sup> [ndhau@most.gov.vn](mailto:ndhau@most.gov.vn); <sup>b</sup> [nxbinh@most.gov.vn](mailto:nxbinh@most.gov.vn); <sup>c</sup> [lvlam@most.gov.vn](mailto:lvlam@most.gov.vn); <sup>d</sup> [lqminh@most.gov.vn](mailto:lqminh@most.gov.vn)

Ngày nhận bài: 01/6/2021

Ngày phản biện: 09/6/2021

Ngày tác giả sửa: 11/6/2021

Ngày duyệt đăng: 18/6/2021

Ngày phát hành: 30/6/2021

DOI: <https://doi.org/10.25073/0866-773X/549>

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên cho các chương trình, nhiệm vụ nhằm tạo lợi thế về khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước, trong đó có sự phát triển bền vững ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Bài viết phân tích kết quả đạt được của khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, đồng thời tập trung bàn luận về kế hoạch và giải pháp triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

**Từ khóa:** Khoa học và công nghệ; Chương trình mục tiêu quốc gia; Phát triển kinh tế - xã hội; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.